TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1114/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2023
V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị M; địa chỉ: Số 27/200 đường P, Phường M, quận B, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Lương Trần Đ; địa chỉ: Số 27/200 đường P, Phường M, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2023, bản tự khai ngày 14/4/2023 và các biên bản của Tòa án, nguyên đơn là bà Ngô Thị M trình bày: Bà và ông Lương Trần Đ tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 23/02/2009 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố H cấp. Ông bà chung sống được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Đến năm 2015 thì ông Đ bỏ nhà đi và nói với bà là đi làm ăn. Ông Đ không cho bà biết là ông đi đâu, làm gì và sau đó ông Đ không liên lạc gì với gia đình. Từ năm 2015 đến nay, bà đã nhiều lần tìm hiểu xem ông Đ ở đâu nhưng không có kết quả. Bà cũng đã yêu cầu Tòa án giải quyết việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Đ, đã tiến hành đăng báo, đài về việc tìm kiếm thông tin ông Đ nhưng cho đến nay, bà không nhận được tin tức gì của ông Đ. Nhận thấy mục đích hôn nhân

không đạt được, đôi bên không còn chung sống với nhau nên để ổn định cuộc sống, bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 03 con chung là Lương Quỳnh Đ, sinh ngày 04/07/2004 (đã trưởng thành); Lương Quỳnh A, sinh ngày 06/12/2007; Lương T, sinh ngày 20/03/2010. Trẻ A và T hiện đang sống cùng với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Trong thời gian chung sống, nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2015 đến nay, bị đơn bỏ nhà đi làm ăn, đôi bên không còn chung sống với nhau. Tòa án đã tống đạt triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không có mặt, không có ý kiến về việc giải quyết vụ án xem như không có nguyện vọng đoàn tụ. Mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Do con chung của các đương sự hiện đang sống cùng nguyên đơn và các trẻ có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về các yêu cầu của đương sự.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 ngày 23/02/2009 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố H cấp cho bà Ngô Thị M và ông Lương Trần Đ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với lý do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bị đơn và nguyên đơn đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy, đời sống vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau và cùng xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Mâu

thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và trên thực tế, đời sống vợ chồng của các đương sự không còn nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là Lương Quỳnh Đ, sinh ngày 04/07/2004 (đã thành niên); Lương Quỳnh A, sinh ngày 06/12/2007; Lương T, sinh ngày 20/03/2010. Các con chung chưa thành niên hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng và có nguyện vọng được ở với nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc được trực tiếp nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – bà Ngô Thị M:

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Ngô Thị M được ly hôn với ông Lương Trần Đ.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Ngô Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Lương Quỳnh A, sinh ngày 06/12/ 2007 và Lương T, sinh ngày 20/3/2010. Bà Ngô Thị M không yêu cầu ông Lương Trần Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Ngô Thị M phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2022/0019594 ngày 08/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường M, quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh